TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2023/DS-PT
Ngày 06 - 01 - 2023
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 482/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2290/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3184/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Minh P, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 85, Đường 14, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim M- Luật sư Văn phòng Luật sư Huỳnh Kim M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Đồng bị đơn:*

1. Bà Châu Kim X(Chín), sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Châu Minh M1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1: Anh Châu Minh H, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: Số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Châu Minh M1:

+ Ông Trương Vĩnh T- Luật sư Văn phòng Luật sư Trương Vĩnh T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

+ Bà Trần Thị T1 - Luật sư Văn phòng Luật sư Trương Vĩnh T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1956 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 09, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Châu Ngọc N, sinh năm 1948 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 32, đường N1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Châu Minh P, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 85, Đường 14, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 69/342, đường C, Khóm 2, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Chị Châu Ngọc L, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Số 69/342, đường C, Khóm 2, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chị Châu Ngọc L, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Số 69/342, đường C, Khóm 2, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Hứa Chí V, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu dân cư T3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bà Hứa Tuyết N2, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 05, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Hứa Đức C1, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 05, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bà Huỳnh Tuyết D, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Số 06, Khóm 3, Khu dân cư Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ông Huỳnh Đức H1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 01, đường N3, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

9. Bà Huỳnh Tuyết C2, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N4, Khu dân cư Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1 và bà C2: Bà Huỳnh Tuyết D, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Số 06, Khóm 3, Khu dân cư Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

10. Bà Châu Oanh K, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 09, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà Châu Thanh T4, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 29C, đường C3, Khóm 8, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, bà T4: Bà Trần Thị T2, sinh năm 1956 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 09, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

12. Bà Châu Oanh Q, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 09, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

13. Bà Châu Kim X1, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 8, G Street Inala Q 4077, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim X1: Ông Châu Minh P, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 85, Đường 14, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

14. Bà Trần Thị Mỹ H2, sinh năm 1971 (đã chết ngày 13/5/2022)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Mỹ H2:

14.1. Ông Châu Minh M1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1: Anh Châu Minh H, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: Số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

14.2. Anh Châu Minh H, sinh năm 1999 (có mặt);

14.3. Chị Châu Ngọc N5, sinh năm 2004 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

15. Anh Châu Minh H, sinh năm 1999 (có mặt);

16. Chị Châu Ngọc N5, sinh năm 2004 (xin vắng mặt);

17. Chị Tô Kim N6, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Ông Châu Minh P là nguyên đơn và ông Châu Minh M1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Châu Minh P là nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của ông Châu Minh P là cụ Châu Văn C4, sinh năm 1922 (chết ngày 31/8/2000) và cụ Mã Thị T5, sinh năm 1925 (chết năm 1985). Trong quá trình chung sống, cụ C4 và cụ T5 có 09 người con chung gồm: Bà Châu Ngọc N, ông Châu Thành T6, ông Châu Minh B1, bà Châu Kim T7, bà Châu Kim X1, sinh năm 1961 (hiện nay định cư ở Úc), ông Châu Minh P, bà Châu Kim X1, sinh năm 1964, bà Châu Kim X(Chín) và ông Châu Minh M1, ngoài những người con trên cụ C4 và cụ T5 không còn người con chung, con riêng nào khác. Cha mẹ của cụ C4 và cụ T5 đã chết rất lâu, nhưng không nhớ rõ thời gian nào (chết trước cụ T5 và cụ C4).

Ông Châu Minh B1 chết năm 1995, ông B1có vợ là bà Lê Thị Đ và con là Châu Ngọc L. Ngoài ra, ông B1 không còn người con nào khác.

Ông Châu Thành T6 chết năm 2015, ông T6 có vợ là bà Trần Thị T2 và có 03 người con là Châu Oanh K, Châu Thanh T4 và Châu Oanh Q. Ngoài ra, ông T6 không còn người con nào khác.

Bà Châu Kim X1, sinh năm 1964 chết năm 2016, bà X1 có chồng là ông Huỳnh Tiên L1(chết năm 2010) và 03 người con là Huỳnh Đức H1, Huỳnh Tuyết D và Huỳnh Tuyết C2. Ngoài ra, bà X1 không còn người con nào khác.

Bà Châu Kim T7 chết năm 2018, bà T7 có chồng là ông Hứa Đức C1 và có 02 người con là Hứa Chí V và Hứa Tuyết N2. Ngoài ra, bà T7 không còn người con nào khác.

Quá trình chung sống cụ C4 và cụ T5 có tạo lập tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa đất số 217, tờ bản đồ số 4 (thành lập bản đồ năm 1994) do cụ C4 đứng tên sổ mục kê (nay là thửa 201, 202, tờ bản đồ 20 thành lập năm 2017 do ông Châu Minh M1 và ông Châu Thành T6 đứng tên sổ mục kê) đất tọa lạc tại đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 104,2m^2, diện tích qua đo đạc thực tế là 103,5m^2 (trong đó có 43,1m^2 thuộc thửa số 201, có 44,8m^2 thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 20 thành lập năm 2017, 1,6m^2 thuộc thửa đất số 203, 1,8m^2 thuộc thửa đất số 200 và 12,2m^2 thuộc lộ giới quy hoạch), căn nhà và đất hiện nay do vợ con ông Châu Thành T6, bà Châu Kim X(Chín) và ông Châu Minh M1 đang quản lý sử dụng. Ngoài ra, cụ C4 và cụ T5 không còn để lại di sản nào khác.

Cụ C4 và cụ T5 chết không để lại di chúc nên ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ C4 và cụ T5 để lại là nhà và đất nêu trên. Ngày 11/02/2022 ông Pcó đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 1,6m^2 thuộc thửa đất số 203, 1,8m^2 thuộc thửa đất số 200 vì phần đất này do người khác đứng tên, không phải là di sản thừa kế của cụ C4 và cụ T5 để lại.

Tại phiên tòa, ông P xác định ông thống nhất biên bản định giá ngày 12/4/2021 và yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần thừa kế nhà và đất ông được nhận theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu phản tố của bà T2 về tiền đóng thuế đất và chi phí sửa chữa nhà ông đồng ý. Đối với yêu cầu phản tố của ông M1, ông không đồng ý với tổng chi phí 200.000.000 đồng, ông chỉ đồng ý với chi phí sửa chữa nhà bằng với chi phí theo yêu cầu của bà T2 là 55.000.000 đồng và không yêu cầu ông M1 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lữ Minh T8 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ông M1 thống nhất với lời trình bày của ông P về hàng thừa kế của cụ C4 và cụ T5 và thống nhất di sản của cụ C4 và cụ T5 để lại là căn nhà và đất tọa lạc tại số 09 và số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, cụ C4 và cụ T5 không còn để lại di sản nào khác. Tuy nhiên, ông M1 không đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật của ông P vì phần nhà và đất này trước khi chết cụ C4 đã lập di chúc ngày 24/4/1996 có xác nhận của ông Nguyễn Thành P2 là Phó Khóm 1 và xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố B). Nội dung di chúc cụ C4 để lại toàn bộ căn nhà số 09, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thị xã Bạc Liêu cho ông M1, ông M1 được toàn quyền sở hữu căn nhà này. Trong tờ di chúc có chữ ký của ông Châu Minh M1 nhưng ông M1 không thừa nhận chữ ký đó là của ông M1 và ông M1 cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông M1 vì ông M1 có ký cũng với tư cách là người được hưởng di sản thừa kế. Nếu phải chia thừa kế ông M1 yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý hoàn giá trị lại cho hàng thừa kế còn lại. Đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 12/4/2021 ông M1 thống nhất không có ý kiến khác.

Ngày 27/12/2021 ông M1 có đơn yêu cầu phản tố, nội dung đơn ông M1 yêu cầu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật thì ông yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào việc quản lý tôn tạo di sản thừa kế với số tiền 200.000.000 đồng vì ông M1 đã ngăn vách nhà, xây dựng và sửa chữa phần nhà sau (lợp mái do xuống cấp trầm trọng, xây cất phần gác nhà sau), nâng nền nhà với tổng chi phí khoảng 200.000.000 đồng. Quá trình xây cất, sửa chữa ông M1 tự mua vật tư và thuê mướn nhân công nên không có hóa đơn chứng từ cung cấp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu phản tố của bà T2 ông M1 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị T2 là bị đơn và là đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thanh T4 và bà Châu Oanh K trình bày:

Bà T2 thống nhất với lời trình bày của ông P về hàng thừa kế của cụ C4 và cụ T5. Ông Châu Thành T6 là chồng của bà và đã chết năm 2015, bà và ông T6 có 03 người con là Châu Oanh K, Châu Thanh T4 và Châu Oanh Q. Ngoài ra, ông T6 không còn người con nào khác.

Di sản của cụ C4 và cụ T5 để lại là căn nhà và đất tọa lạc tại số 09 và số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, cụ C4 và cụ T5 không còn để lại di sản nào khác. Bà T2 đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật của ông P và bà yêu cầu nhận giá trị tài sản thừa kế bà và các con được nhận, không đồng ý chia theo di chúc vì khi còn sống không nghe cụ C4 có lập di chúc và không đồng ý chia theo di chúc của cụ C4 lập ngày 24/4/1996 do ông M1 cung cấp.

Ngoài ra, bà T2 xác định trong thời gian sử dụng nhà và đất tọa lạc tại số 09, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu gia đình bà có sửa chữa căn nhà trước và sau với tổng chi phí là 55.000.000 đồng và đóng thuế đất hàng năm từ năm 2002 đến năm 2015 với số tiền 1.160.000 đồng. Do đó, ngày 03/12/2021 bà T2 có nộp đơn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho gia đình bà được nhận lại các khoản tiền nêu trên với tổng số tiền là 56.160.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông M1 bà không đồng ý vì thực tế năm 2003 ông M1 có bỏ chi phí ngăn vách căn nhà nhưng ông M1 đã tự nguyện chịu, đối với lần sửa chữa gần đây chung với bà thì theo bà chi phí 200.000.000 đồng là không đúng, theo bà chi phí ông M1 bỏ ra chỉ có khoảng 55.000.000 đồng bằng với chi phí mà bà bỏ ra sửa chữa căn nhà nên bà chỉ đồng ý với số tiền 55.000.000 đồng.

Đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 12/4/2021 bà thống nhất không có ý kiến khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Châu Kim X(Chín) là bị đơn trình bày:

Bà Kim X thống nhất với lời trình bày của ông P về hàng thừa kế của cụ C4 và cụ T5 và thống nhất di sản của cụ C4 và cụ T5 để lại là căn nhà và đất tọa lạc tại số 09 và số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, cụ C4 và cụ T5 không còn để lại di sản nào khác. Bà Kim X đồng ý yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo quy định pháp luật của ông P và bà yêu cầu nhận giá trị tài sản thừa kế bà được hưởng, không đồng ý chia theo di chúc vì khi còn sống không nghe cụ C4 có lập di chúc.

Đối với yêu cầu phản tố của ông M1 yêu cầu chi phí sửa chữa 200.000.000 đồng là không đúng, do bà ở chung nhà nên bà biết chi phí sửa chữa ông M1 bỏ ra khoảng 55.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý số tiền này.

Đối với yêu cầu phản tố của bà T2 yêu cầu tiền sửa chữa nhà và tiền đóng thuế là 56.160.000 đồng thì bà đồng ý.

Đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 12/4/2021 bà thống nhất không có ý kiến khác.

Ông Châu Minh P là đại diện theo ủy quyền của bà Châu Kim X1 và bà Châu Ngọc N trình bày:

Bà Châu Kim X1 và bà Châu Ngọc N thống nhất yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà Kim X1 và bà Ngọc Nga yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần mà các bà được hưởng theo quy định pháp luật. Đối với kỷ phần của bà Kim X1 do hiện tại bà Kim X1 đang ở nước ngoài nên bà Kim X1 yêu cầu tạm giao cho ông quản lý phần di sản của bà Kim X1 được hưởng.

Tại bản tự khai đề ngày 29/6/2020 của ông Hứa Đức C1, bà Hứa Tuyết N2 và ông Hứa Chí V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Châu Kim T7 là con của cụ C4 và cụ T5, bà T7 chết năm 2018, bà T7có chồng là ông Hứa Đức C1 và có 02 người con là Hứa Chí V và Hứa Tuyết N2. Ngoài ra, bà T7 không còn người con nào khác. Ông C1, bà N2, ông V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P, đồng ý chia thừa kế theo di chúc của cụ C4 lập ngày 24/4/1996 do ông M1 cung cấp. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C1, bà N2 và ông V đồng ý để lại kỷ phần được hưởng cho ông M1 và xin được vắng mặt tại các cấp xét xử của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai đề ngày 01/7/2020 của bà Lê Thị Đ và chị Châu Ngọc L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Châu Minh B1 là con của cụ C4 và cụ T5, ông B1chết năm 1995, ông B1 có vợ là bà Lê Thị Đ, con là chị Châu Ngọc L. Ngoài ra, ông B1 không còn người con nào khác. Bà Đ và chị L đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông P, bà Đ và chị L yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần được hưởng.

Tại phiên tòa chị L xác định đối với yêu cầu phản tố của bà T2 chị và bà Đ thống nhất. Đối với yêu cầu phản tố của ông M1 chỉ đồng ý chi phí sửa chữa là 55.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 08/7/2020 của bà Huỳnh Tuyết D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Đức H1 và bà Huỳnh Tuyết C2 trình bày:

Bà Châu Kim X1, sinh năm 1964 chết năm 2016 là con chung của cụ T5 và cụ C4, bà X1 có chồng là ông Huỳnh Tiên L1(chết năm 2010) và 03 người con là Huỳnh Đức H1, Huỳnh Tuyết D và Huỳnh Tuyết C2. Ngoài ra, bà X1 không còn người con nào khác. Bà D đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông P, bà D, ông H1 và bà C2 yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần được hưởng.

Tại phiên tòa, bà D xác định đối với yêu cầu phản tố của bà T2 bà và ông H1, bà C2 thống nhất. Đối với yêu cầu phản tố của ông M1 chỉ đồng ý chi phí sửa chữa là 55.000.000 đồng. Đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 12/4/2021 thống nhất không có ý kiến khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Châu Oanh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông P chia thừa kế theo pháp luật, xin được nhận giá trị phần được hưởng và để lại toàn bộ di sản được hưởng cho bà T2, không đồng ý chia thừa kế theo di chúc.

Tại phiên tòa, bà Q xác định đối với yêu cầu phản tố của bà T2 bà thống nhất. Đối với yêu cầu phản tố của ông M1 chỉ đồng ý chi phí sửa chữa là 55.000.000 đồng. Đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 12/4/2021 thống nhất không có ý kiến khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2022 của chị Tô Kim N6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Hiện tại chị đang sinh sống cùng với mẹ chị là bà Châu Kim X(Chín) và gia đình của ông Châu Minh M1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P chị không có ý kiến vì chỉ là cháu, quá trình giải quyết vụ án có phát sinh gì thì ý kiến của chị là thống nhất theo ý kiến của bà Kim X.

Tại bản tự khai ngày 02/3/2022 của anh Châu Minh H và tại bản tự khai ngày 03/3/2022 của chị Châu Ngọc N5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Hiện tại anh chị đang sinh sống cùng với cha mẹ là ông Châu Minh M1 và bà Trần Thị Mỹ H2. Đối với tranh chấp giữa ông M1 và ông P anh chị không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh P đối với bà Châu Kim X(Chín), ông Châu Minh M1 và bà Trần Thị T2 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Châu Văn C4 và cụ Mã Thị T5 để lại là một phần căn nhà có giá trị là 218.465.515 đồng và toàn bộ phần đất tọa lạc tại số 09 và 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có giá trị 701.801.100 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh P về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Châu Văn C4 và cụ Mã Thị T5 để lại là một phần căn nhà tọa lạc tại số 09 và 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có giá trị là 267.013.407 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh P về việc yêu cầu chia thừa kế đối với tổng diện tích 4,1m^2.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Châu Minh M1 về việc yêu cầu chi phí sửa chữa di sản thừa kế là căn nhà số 11 với số tiền 55.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Châu Minh M1 về việc yêu cầu chi phí sửa chữa di sản thừa kế là căn nhà số 11 với số tiền 145.000.000 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T2 yêu cầu chi phí sửa chữa căn nhà số 09 với số tiền là 55.000.000 đồng và tiền đóng thuế đất với số tiền 1.160.000 đồng.

7. Ông Châu Minh M1 được toàn quyền sử dụng đất và sở hữu căn nhà trên đất tọa lạc tại số 09 và 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất bà T9 đang quản lý sử dụng có số đo 2,23m + 2,17m;

- Hướng Tây giáp đường P1 có số đo 3,68m + 0,29m + 3,18m;

- Hướng Nam giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Kim L2 có số đo 1,8m + 9,49m + 0,93m + 2,24m + 0,78m + 6,54m;

- Hướng Bắc giáp phần đất ông Đỗ Thuận T10 và bà Tô Kim H3 có số đo 1,81m + 8,37m + 0,98m + 7,75m.

Tổng diện tích đất: 100,1m^2 (trong đó có 43,1m^2 thuộc thửa số 201, có 44,8m^2 thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 20 thành lập năm 2017 và 12,2m^2 thuộc lộ giới quy hoạch).

Căn nhà số 09: Nhà cấp II có 01 trệt, 01 lầu có kết cấu móng cột đà sàn bê tông cốt thép, vách xây gạch, mái tol, nền gạch bông có tổng diện tích 83,72m^2.

Căn nhà số 11: Nhà cấp II có 01 trệt, 01 lầu có kết cấu móng cột đà sàn bê tông cốt thép, vách xây gạch, mái tol, nền gạch bông có tổng diện tích 91,73m^2.

Ông Châu Minh M1 được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành đăng ký kê khai theo đúng trình tự, thủ tục luật định để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với các diện tích đất và nhà được phân chia.

8. Buộc ông Châu Minh M1 có nghĩa vụ trả cho:

Ông Châu Minh P, bà Châu Kim X1, bà Châu Ngọc N và bà Châu Kim X(Chín) mỗi người số tiền 89.900.735 đồng (tám mươi chín triệu chín trăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà Châu Kim X1 được chia bằng số tiền 89.900.735 đồng cho ông Châu Minh P quản lý.

Bà Trần Thị T2 số tiền 146.060.735 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) (trong đó, tiền được hưởng di sản thừa kế là 89.900.735 đồng và tiền sửa chữa nhà, tiền nộp thuế đất là 1.160.000 đồng).

Bà Lê Thị Đ và chị Châu Ngọc L mỗi người số tiền 44.950.367 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Ông Huỳnh Đức H1, bà Huỳnh Tuyết D và bà Huỳnh Tuyết C2 mỗi người số tiền 29.966.912 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm mười hai đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Bà Châu Kim X(Chín), chị Tô Kim N6 và bà Trần Thị T2, bà Châu Oanh Q và bà Châu Oanh K được phép lưu trú 06 tháng. Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật buộc bà Châu Kim X(Chín), chị Tô Kim N6, bà Trần Thị T2, bà Châu Oanh Q và bà Châu Oanh K phải thu dọn toàn bộ tài sản vật dụng trong căn nhà giao nhà và đất tọa lạc tại số 09 và tầng lầu căn nhà số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cho ông Châu Minh M1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/8/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận đơn kháng cáo của ông Châu Minh M1 là bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo đúng di chúc của cụ Châu Văn C4.

Ngày 26/8/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận đơn kháng cáo của ông Châu Minh P là nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật

di sản của cụ Châu Văn C4 và cụ Mã Thị T5 để lại là nhà và đất tọa lạc tại số 09 và 11 đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Châu Minh P là nguyên đơn và anh Châu Minh H đại diện cho ông Châu Minh M1 là bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông P kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia thừa kế nhà và đất của cụ C4, cụ T5 là có cơ sở. Nguồn gốc nhà và đất các đương sự thống nhất di sản của cụ C4 cụ T5 để lại. Ông M1 kháng cáo yêu cầu chia di chúc nhà đất là chưa phù hợp. Phần đất tranh chấp là tài sản chung của cụ C4 và cụ T5. Thời điểm lập di chúc, cụ T5 đã chết nên việc cụ C4 định đoạt toàn bộ, định đoạt phần của cụ T5 là không phù hợp. Trang 2 di chúc có ghi ông M1 là người làm chứng (BL112). Căn cứ khoản 1 Điều 657 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc trừ những người thừa kế theo di chúc, theo nội dung di chúc này ông M1 có ký bên dưới của di chúc, ông M1 cho rằng ông không có ký tên nhưng ông M1 cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Do đó, di chúc này không hợp pháp không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ di chúc. Kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ông P trình bày: thống nhất ý kiến của người bảo vệ.

Các đương sự khác không tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Luật sư T1 trình bày: Theo bản án sơ thẩm đã xử công nhận di chúc lập ngày 24/4/1996. Tòa sơ thẩm quyết định di sản cụ C4 để lại theo di chúc là một nửa căn nhà và di sản của cụ C4 được hưởng do cụ T5 để lại. Ông M1 được sở hữu nhà và trả lại kỷ phần cho các đồng thừa kế. Ông P có đơn kháng cáo yêu cầu không công nhận di chúc do cụ C4 lập lý do di chúc có ông M1 là người hưởng di sản ký tên. Tại phiên tòa hôm nay, anh H đại diện cho ông M1 xác định công nhận quyền sử dụng đất có nhà là di sản của cụ C4 để lại và phần tiền sửa chữa là 200.000.000 đồng.

Về yêu cầu kháng cáo của ông P đề nghị bác di chúc cụ C4 lập: Các đương sự thống nhất hàng thừa kế của cụ C4 và cụ T5 gồm 09 người con: Bà Châu Ngọc N, ông Châu Thành T6, ông Châu Minh B1, bà Châu Kim T7, bà Châu Kim X1, sinh năm 1961 (hiện nay định cư ở Úc), ông Châu Minh P, bà Châu Kim X1, sinh năm 1964, bà Châu Kim X(Chín) và ông Châu Minh M1, ngoài những người con trên cụ C4 và cụ T5 không còn người con chung, con riêng nào khác. Cha mẹ của cụ C4 và cụ T5 đã chết rất lâu, không nhớ rõ thời

gian nào nhưng chết trước cụ T5 và cụ C4. Tài sản chung của cụ C4 và cụ T5 là căn nhà số 09 nay là căn nhà mang số 09 và 11 đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1985 cụ T5 chết không để lại di chúc. Năm 2000 cụ C4 mất trước khi qua đời có lập di chúc có xác nhận của chính quyền địa phương. Nội dung di chúc nêu rõ ý chí của cụ C4 để lại nhà cho ông M1. Ngày 13/4/2020 ông P có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản theo pháp luật là nhà số 09. Tại Trang 10, 11, 12, 13, 14 bản án sơ thẩm Tòa án xác định hàng thừa kế, di sản thừa kế, yêu cầu khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tờ di chúc thể hiện bằng văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương, trạng thái tinh thần của cụ C4 minh mẫn nên di chúc hợp pháp. Tòa án sơ thẩm xác định công nhận di chúc là đúng và có căn cứ. Ông P cho rằng không hợp pháp vì ông M1 ký tên, nhưng ông M1 ký tên với tư cách là người được hưởng di chúc không phải người làm chứng. Tại BL385 ông P xác nhận chữ viết và chữ ký của cụ C4 điều này khẳng định ý chí cụ C4 khi lập tờ di chúc. Kèm đơn kháng cáo ông P viện dẫn bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử (BL668) để yêu cầu di chúc vô hiệu. Trang điện tử Tòa án nhân dân cấp cao không có bản án 54 vì án 54 không phải án lệ để áp dụng trường hợp tương tự này. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông M1. Vì tài sản chung của cụ C4 và cụ T5, nên Tòa án cấp sơ thẩm chia 1/2 nhà số 09 và 1/10 nhà của cụ C4 phù hợp quy định pháp luật. Tòa án sơ thẩm chia đều cho 9 suất thừa kế, giao nhà ông M1 nhưng không xem xét phần diện tích quyền sử dụng đất đã được cụ C4 định đoạt và công sức giữ gìn tôn tạo nâng cao giá trị di sản là thiệt thòi cho ông M1. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Luật sư T trình bày: Thống nhất ý kiến của luật sư T1. Phần chứng cứ pháp lý chứng minh di chúc hợp pháp. Lúc sinh thời cụ C4 để lại căn nhà số 09 trên một phần đất. Sau này, có tranh chấp mới chia 2 căn nhà là nhà số 09 và 11. Kể cả các đương sự đều xác định nhà gắn liền quyền sử dụng đất là nhà phố không phải nhà có đất riêng. Ông M1 là con hiếu thảo chăm lo cụ C4l úc tuổi già nên cụ C4 để lại toàn bộ tài sản cho ông M1. Theo quy định pháp luật cụ T5 mất năm 1985, án sơ thẩm quyết định nửa căn nhà và 1/10 di sản cụ T5. Đề nghị xem xét được hưởng luôn thừa kế là 55m^2 đất. Thứ hai, thực tế thừa nhận ông M1 có công chăm sóc nuôi dưỡng cụ C4 có công giữ gìn tôn tạo sửa chữa nâng cấp để nâng giá trị nhà. Đề nghị xem xét chấp nhận đóng góp xây dựng tôn tạo di sản để lại là 200.000.000 đồng. Đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông M1 được hưởng phần di sản có 55m^2 đất đồng thời giá trị đóng góp là 200.000.000 đồng.

Anh H trình bày: thống nhất ý kiến của người bảo vệ.

Luật sư M tranh luận: Đối với phần sửa chữa căn nhà yêu cầu 200.000.000 đồng không phù hợp vì sửa chưa không có giấy tờ chứng minh. Đối với di chúc cụ C4 lập chỉ cho nhà trên phần đất tranh chấp trên không bao gồm đất nên Tòa sơ thẩm xử là có căn cứ đúng pháp luật. Bà vẫn bảo lưu các phần

khác.

Luật sư T tranh luận: phần 200.000.000 đồng bao gồm phần sửa chữa, phần công sức đóng góp giữ gìn tôn tạo nâng giá trị di sản và phần chăm sóc cụ C4. Di chúc cho đưa con hiếu thảo cho toàn bộ nhà và tài sản trên đất. Là nhà phố. Nhà gắn liền với đất nếu không có đất thì không được sở hữu trọn vẹn.

Luật sư M tranh luận: Phần tôn tạo đóng góp không có giấy tờ chứng minh, có sửa chữa tôn tạo nên bà thống nhất như án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Xét kháng cáo của ông P và ông M1:

Các đương sự thống nhất di sản do cụ C4 và cụ T5 để lại là nhà đất số 09 và 11 đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và thống nhất hàng thừa kế, kết quả định giá và đo vẽ cấp sơ thẩm. Di chúc ngày 24/4/1996 được Ủy ban nhân dân Phường 2 xác nhận có giấy chứng nhận sức khỏe ông Châu Văn C4 của Phòng khám đa khoa ngày 24/4/1996 có kết luận hiện tại sức khỏe tốt, tinh thần tiếp xúc còn minh mẫn. Các đương sự thừa nhận chữ ký và chữ viết di chúc là của cụ C4. Tại thời điểm lập di chúc sức khỏe của cụ C4 đảm bảo. Kháng cáo của ông P cho rằng di chúc không hợp pháp là không có căn cứ. Tuy nhiên tài sản thừa kế là của cụ C4 và cụ T5. Khi cụ C4 lập di chúc cụ T5 đã chết nên việc cụ C4 quyết định tặng cho phần của cụ T5 là không phù hợp, di chúc chỉ có hiệu lực đối với di sản của cụ C4. Cấp sơ thẩm xác định chia nhà, không chia đất nhưng nhà xây dựng trên phần đất. Di chúc ngày 24/4/1996 có hiệu lực đối với việc cụ C4 được quyền định đoạt tài sản là nhà và đất. Kháng cáo của ông M1 phần đất đi liền với nhà là có căn cứ. Về xây dựng sửa chữa nhà 200.000.000 đồng không có tài liệu chứng minh. Kháng cáo này của ông M1 không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, chấp nhận một phần kháng cáo của ông M1, sửa một phần án sơ thẩm. Di chúc của cụ C4 để lại là nhà và đất cho ông M1. Các phần khác, cấp sơ thẩm chia phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự được triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt, việc vắng mặt của các đương sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Châu Minh P là nguyên đơn và ông Châu Minh M1 là bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Các đương sự thống nhất hàng thừa kế của cụ C4 và cụ T5 gồm 09 người con: Bà Châu Ngọc N, ông Châu Thành T6, ông Châu Minh B1, bà Châu Kim T7, bà Châu Kim X1, sinh năm 1961 (hiện nay định cư ở Úc), ông Châu Minh P, bà Châu Kim X1, sinh năm 1964, bà Châu Kim X(Chín) và ông Châu Minh M1, ngoài những người con trên cụ C4 và cụ T5 không còn người con chung, con riêng nào khác. Cha mẹ của cụ C4 và cụ T5 đã chết rất lâu, không nhớ rõ thời gian nào nhưng chết trước cụ T5 và cụ C4.

Ông Châu Minh B1, chết năm 1995, ông B1 có vợ là bà Lê Thị Đ và con là Châu Ngọc L. Ngoài ra, ông B1không còn người con nào khác.Ông Châu Thành T6 chết năm 2015, ông T6 có vợ là bà Trần Thị T2 và có 03 người con là Châu Oanh K, Châu Thanh T4 và Châu Oanh Q. Ngoài ra, ông T6 không còn người con nào khác. Bà Châu Kim X1, sinh năm 1964 chết năm 2016, bà X1 có chồng là ông Huỳnh Tiên L1(chết năm 2010) và 03 người con là Huỳnh Đức H1, Huỳnh Tuyết D và Huỳnh Tuyết C2. Ngoài ra, bà X1 không còn người con nào khác. Bà Châu Kim T7 chết năm 2018, bà T7có chồng là ông Hứa Đức C1 và có 02 người con là Hứa Chí V và Hứa Tuyết N2. Ngoài ra, bà T7không còn người con nào khác.

[2.2] Quá trình chung sống cụ C4 và cụ T5 có tạo lập tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa đất số 217, tờ bản đồ số 4 (thành lập bản đồ năm 1994) do cụ C4 đứng tên sổ mục kê (nay là thửa 201, 202, tờ bản đồ 20 thành lập năm 2017 do ông Châu Minh M1 và ông Châu Thành T6 đứng tên sổ mục kê) đất tọa lạc tại Đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 104,2m^2, diện tích qua đo đạc thực tế là 103,5m^2 (trong đó có 43,1m^2 thuộc thửa số 201, có 44,8m^2 thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 20 thành lập năm 2017, 1,6m^2 thuộc thửa đất số 203, 1,8m^2 thuộc thửa đất số 200 và 12,2m^2 thuộc lộ giới quy hoạch), căn nhà và đất hiện nay do vợ con ông Châu Thành T6, bà Châu Kim X(Chín) và ông Châu Minh M1 đang quản lý sử dụng. Ngoài ra, cụ C4 và cụ T5 không còn để lại di sản nào khác.

[2.3] Các đương sự thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2021; Bản vẽ bổ sung mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Châu Minh P và ông Châu Minh M1, bà Châu Kim X và bà Trần Thị T2 thực hiện Công văn số 03/CV-TA ngày 05/01/2022 của Tòa án (BL370).

[2.4] Phần nhà và đất này trước khi chết cụ C4 đã để lại cho ông M1 toàn bộ di sản thừa kế, di chúc của cụ C4 lập ngày 24/4/1996, di chúc có xác nhận của ông Nguyễn Thành P2 là Phó Khóm 1 và xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố B). Ông P, bà Em, bà T2 không đồng ý di chúc vì khi còn sống không nghe cụ C4 nói và chữ ký, chữ viết họ tên không phải chữ ký, chữ viết của cụ C4 nhưng các đương sự trong vụ án không có ai yêu cầu giám định chữ ký của cụ C4 trong tờ di chúc. Ông P xác định chữ ký và chữ viết trong di chúc của cụ C4 lập ngày 24/4/1996 đúng là của cụ C4.

[2.5] Di chúc ngày 24/4/1996 của cụ C4 về hình thức và nội dung đều hợp pháp được Ủy ban nhân dân Phường 2 xác nhận có giấy chứng nhận sức khỏe ông Châu Văn C4 của Phòng khám đa khoa ngày 24/4/1996 có kết luận hiện tại sức khỏe tốt, tinh thần tiếp xúc còn minh mẫn, cho thấy tại thời điểm lập di chúc cụ C4 sức khỏe tinh thần đảm bảo, chữ ký và chữ viết trong di chúc của cụ C4. Tuy nhiên, di sản thừa kế là tài sản chung của vợ chồng cụ T5 và cụ C4, khi cụ C4l ập di chúc cụ T5 đã chết nên việc cụ C4 quyết định tặng cho phần của cụ T5 là không phù hợp. Do đó, di chúc này chỉ có hiệu lực đối với di sản của cụ C4. Về nội dung di chúc thể hiện cụ C4 để lại toàn bộ căn nhà số 09, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thị xã Bạc Liêu cho ông M1, ông M1 được toàn quyền làm sở hữu chủ căn nhà này.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ý chí của cụ C4 khi lập di chúc là để lại căn nhà số 09 cho ông M1 không bao gồm đất là chưa chính xác. Vì nhà ở phải gắn liền với đất và thực tế đây là căn nhà phố nên nhà phải gắn liền với đất. Kháng cáo của ông M1 về phần này là có căn cứ. Kháng cáo của ông P là không có căn cứ.

[2.6] Vào năm 2003 do gia đình bà T2 và ông M1 có xảy ra tranh chấp nên các anh em trong gia đình thống nhất ngăn căn nhà số 09 thành căn nhà số 09 cho gia đình bà T2 sử dụng và căn nhà số 11 cho gia đình ông M1 và bà X sử dụng như hiện nay.

[2.7] Di sản là 1/2 phần đất của cụ T5 và phần nhà mà cụ C4 không có quyền định đoạt được chia theo quy định pháp luật.

[2.8] Ông M1 yêu cầu bồi thường giá trị công sửa chữa tài sản là căn nhà số 11 với số tiền 200.000.000 đồng. Đồng thời, bà T2 cũng yêu cầu bồi thường giá trị căn nhà số 09 với số tiền là 55.000.000 đồng và tiền nộp thuế đất 1.160.000 đồng. Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất ông M1 và bà T2 có sửa chữa căn nhà nêu trên và cùng thống nhất chi phí ông M1 và bà T2 sửa chữa mỗi người số tiền là 55.000.000 đồng và bà T2 có nộp thuế 1.160.000 đồng. Ông M1 cho rằng chi phí mà ông sửa nhà là 200.000.000 đồng. Ông M1 không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho chi phí sửa chữa căn nhà trên trong khi bà T2 quản lý, sử dụng căn nhà liền kề có sửa chữa tương đồng và đưa ra mức sửa chữa là 55.000.000 đồng. Do các đương sự thống nhất số tiền mà ông M1 và bà T2 sửa nhà là có lợi cho ông M1 và bà T2 nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M1 đối với số tiền sửa nhà là 55.000.000 đồng và yêu cầu phản tố của bà T2 số tiền sửa nhà là 55.000.000 đồng và tiền nộp thuế 1.160.000 đồng là có căn cứ. Ông M1 đã được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ C4 để lại nên không có tính công sức giữ gìn tài sản, chăm sóc cụ C4 như ông M1 yêu cầu. Kháng cáo của ông M1 không có căn cứ.

[2.9] Ông M1 xác định nếu chia thừa kế theo pháp luật ông M1 yêu cầu nhận di sản thừa kế và đồng ý hoàn giá trị cho các thừa kế khác. Phía gia đình bà T2và bà Kim Xđang trực tiếp sử dụng nhà đất tranh chấp nhưng không yêu cầu nhận kỷ phần bằng hiện vật mà yêu cầu nhận giá trị di sản. Đối với hàng thừa kế

còn lại yêu cầu nhận giá trị kỷ phần di sản được chia. Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà đất cho ông M1 và ông M1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác là có căn cứ, đúng pháp luật.

Theo Biên bản định giá tài sản thì 02 căn nhà có giá trị là: Nhà ông M1 đang sử dụng (48,8m^2 + 42,93m^2) x 2.767.050 đồng = 253.821.496 đồng; Nhà bà T2đang sử dụng: (36,16m^2 + 47,56m^2) x 2.767.050 đồng = 231.657.426 đồng. Tổng giá trị căn nhà là 485.478.922 đồng.

Do ông M1 được cụ C4 để lại di chúc phần căn nhà nên phần di sản được chia theo pháp luật là 485.478.922 đồng – (242.739.461 đồng + 24.273.946 đồng) = 218.465.515 đồng.

Đối với phần đất có giá trị là 100,1m^2 x 7.011.000 đồng/m^2 = 701.801.100 đồng. Ông M1 được cụ C4 để lại nhà và đất nên phần di sản đất được chia theo pháp luật là 701.801.100 đồng – (350.900.550 đồng + 35.090.055 đồng) = 315.810.495 đồng.

Như vậy, tổng giá trị nhà và đất được chia cho ông M1 theo di chúc là: 242.739.461 đồng + 24.273.946 đồng + 350.900.550 đồng + 35.090.055 đồng = 653.004.012 đồng.

Tổng giá trị nhà đất được chia theo pháp luật sau khi trừ chi phí sửa chữa nhà và nộp thuế của ông M1 và bà T2 là: (218.465.515 đồng + 315.810.495 đồng) – (55.000.000 đồng + 56.160.000 đồng) = 423.116.010 đồng sẽ được chia thành 09 phần, mỗi kỷ phần là 47.012.890 đồng.

Đối với kỷ phần ông Hứa Đức C1, ông Hứa Chí V và bà Hứa Tuyết N2 (chồng con của bà Châu Kim T7 chết năm 2018) được nhận thì ông C1, ông V và bà N2 thống nhất để lại cho ông M1. Hội đồng xét thấy đây là ý chí tự nguyện của ông C1, ông V và bà N2 không trái quy định pháp luật nên được ghi nhận. Do đó, ông M1 được nhận 02 kỷ phần bằng số tiền 94.025.780 đồng.

Do ông M1 nhận toàn bộ di sản nên ông M1 phải hoàn giá trị cho các hàng thừa kế khác đối với kỷ phần chia theo pháp luật họ được hưởng cụ thể như sau:

Bà Trần Thị T2, bà Châu Oanh K, bà Châu Thanh T4 và bà Châu Oanh Q được nhận 01 kỷ phần. Bà K, bà T4 và bà Qthống nhất cho kỷ phần mình được hưởng cho bà T2 nên bà T2 được nhận 01 kỷ phần với tổng số tiền là 47.012.890 đồng.

Bà Lê Thị Đ và chị Châu Ngọc L (vợ con của ông Châu Minh B1) được nhận giá trị 01 kỷ phần là 47.012.890 đồng, mỗi người được nhận 23.506.445 đồng.

Ông Huỳnh Đức H1, bà Huỳnh Tuyết D và bà Huỳnh Tuyết C2 (con của bà Châu Kim X1, sinh năm 1964, chết năm 2016) được nhận giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 47.012.890 đồng, mỗi người được nhận 15.670.963 đồng.

Bà Châu Kim X1, bà Châu Ngọc N, ông Châu Minh P và bà Châu Kim X(Chín) mỗi người được nhận giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 47.012.890 đồng.

Ngoài ra, ông M1 là người nhận di sản nhà, đất nên ông M1 còn có trách nhiệm hoàn trả chi phí sửa nhà và tiền nộp thuế cho bà T2số tiền 56.160.000 đồng.

Bà T2 xác định hiện tại bà và các con Châu Oanh Q và Châu Oanh K chỉ có nơi ở duy nhất là nhà và đất tại số 09 và bà Châu Kim X cũng xác định hiện tại bà và chị Tô Kim N6 chỉ có nơi ở duy nhất là ở tầng lầu của căn nhà số 11. Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bà T2 và bà Kim X có thêm thời gian để tìm nơi ở mới nên cần cho bà T2, bà Q, bà K và bà Kim X, chị Tô Kim N6 được phép lưu trú 06 tháng. Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật buộc bà T2, bà K, bà Q, bà Kim X và chị N6 phải thu dọn toàn bộ tài sản vật dụng trong căn nhà giao nhà và đất cho ông M1.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 3.224.000 đồng: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Châu Minh P, bà Châu Kim X1, bà Trần Thị T2, bà Châu Ngọc N và bà Lê Thị Đ có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp.

Ông Châu Minh P đã tạm nộp 1.380.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0014823 ngày 24/4/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Ông Châu Minh M1 được nhận tổng di sản thừa kế là 653.004.012 đồng + 94.025.780 đồng là 747.029.792 đồng, án phí là 33.881.192 đồng. Ông Châu Minh M1 đã tạm nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000126 ngày 30/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Ông M1 còn phải nộp thêm 28.881.192 đồng.

Bà Châu Kim X(Chín) được nhận di sản thừa kế số tiền 47.012.890 đồng nên số tiền án phí phải chịu là 47.012.890 đồng x 5% = 2.350.645 đồng.

Chị Châu Ngọc L được nhận di sản thừa kế số tiền 23.506.445 đồng nên số tiền án phí phải chịu là 23.506.445 đồng x 5% = 1.175.322 đồng.

Ông Huỳnh Đức H1, bà Huỳnh Tuyết D và bà Huỳnh Tuyết C2 mỗi người được nhận di sản thừa kế số tiền 15.670.963 đồng nên án phí mỗi người phải chịu là 15.670.963 đồng x 5% = 783.548 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí.

[6] Từ những nhận định phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần di chúc của cụ C4 là cho nhà có đất, tính lại số tiền các thừa kế được hưởng, tính lại án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu. Do đó, Hội

đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị sửa án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 92; 93; 95; khoản 5 Điều 104; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 660 và 661 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ vào Điều 612, 614, 623, 625, 626, 627, 630, 635, 650, 651, 652, 660, 668 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Minh P là nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Châu Minh M1 là bị đơn.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh P đối với bà Châu Kim X(Chín), ông Châu Minh M1 và bà Trần Thị T2 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Châu Văn C4 và cụ Mã Thị T5 để lại là một phần căn nhà có giá trị là 218.465.515 đồng và một phần đất tọa lạc tại số 09 và 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có giá trị 315.810.495 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh P về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Châu Văn C4 và cụ Mã Thị T5 để lại là một phần căn nhà và đất tọa lạc tại số 09 và 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có giá trị là 653.004.012 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh P về việc yêu cầu chia thừa kế đối với tổng diện tích 4,1m^2.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Châu Minh M1 về việc yêu cầu chi phí sửa chữa di sản thừa kế là căn nhà số 11 với số tiền 55.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Châu Minh M1 về việc yêu cầu chi phí sửa chữa di sản thừa kế là căn nhà số 11 với số tiền 145.000.000 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T2 yêu cầu chi phí sửa chữa căn nhà số 09 với số tiền là 55.000.000 đồng và tiền đóng thuế đất với số tiền 1.160.000 đồng.

7. Ông Châu Minh M1 được toàn quyền sử dụng đất và sở hữu căn nhà trên đất tọa lạc tại số 09 và 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất bà T9đang quản lý sử dụng có số đo 2,23m + 2,17m;

- Hướng Tây giáp đường P1 có số đo 3,68m + 0,29m + 3,18m;

- Hướng Nam giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Kim L2 có số đo 1,8m + 9,49m + 0,93m + 2,24m + 0,78m + 6,54m;

- Hướng Bắc giáp phần đất ông Đỗ Thuận T10 và bà Tô Kim H3 có số đo 1,81m + 8,37m + 0,98m + 7,75m.

Tổng diện tích đất: 100,1m^2 (trong đó có 43,1m^2 thuộc thửa số 201, có 44,8m^2 thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 20 thành lập năm 2017 và 12,2m^2 thuộc lộ giới quy hoạch).

Căn nhà số 09: Nhà cấp II có 01 trệt, 01 lầu có kết cấu móng cột đà sàn bê tông cốt thép, vách xây gạch, mái tol, nền gạch bông có tổng diện tích 83,72m^2.

Căn nhà số 11: Nhà cấp II có 01 trệt, 01 lầu có kết cấu móng cột đà sàn bê tông cốt thép, vách xây gạch, mái tol, nền gạch bông có tổng diện tích 91,73m^2.

Ông Châu Minh M1 được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành đăng ký kê khai theo đúng trình tự, thủ tục luật định để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với các diện tích đất và nhà được phân chia.

8. Buộc ông Châu Minh M1 có nghĩa vụ trả cho:

Ông Châu Minh P, bà Châu Kim X1, bà Châu Ngọc N và bà Châu Kim X(Chín) mỗi người số tiền 47.012.890 đồng.

Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà Châu Kim X1 được chia bằng số tiền 47.012.890 đồng cho ông Châu Minh P quản lý.

Bà Trần Thị T2 số tiền 103.172.890 đồng (trong đó, tiền được hưởng di sản thừa kế là 47.012.890 đồng và tiền sửa chữa nhà, tiền nộp thuế đất là 56.160.000 đồng).

Bà Lê Thị Đ và chị Châu Ngọc L mỗi người số tiền 23.506.445 đồng.

Ông Huỳnh Đức H1, bà Huỳnh Tuyết D và bà Huỳnh Tuyết C2 mỗi người số tiền 15.670.963 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Bà Châu Kim X(Chín), chị Tô Kim N6 và bà Trần Thị T2, bà Châu Oanh Q và bà Châu Oanh K được phép lưu trú 06 tháng. Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật buộc bà Châu Kim X(Chín), chị Tô Kim N6, bà Trần Thị T2, bà Châu Oanh Q và bà Châu Oanh K phải thu dọn toàn bộ tài sản vật dụng trong căn nhà giao nhà và đất tọa lạc tại số 09 và tầng lầu căn nhà số 11, đường P1, Khóm 1, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cho ông Châu Minh M1.

10. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 3.224.000 đồng, ông Châu Minh P đã nộp đủ và chi hết. Buộc bà Trần Thị T2, bà Châu Kim X1, bà Châu Ngọc N, bà Châu Kim X(Chín) mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho ông Châu Minh P số tiền 358.222 đồng; ông Châu Minh M1 có trách nhiệm hoàn trả cho ông Châu Minh P số tiền là 716.444 đồng; bà Lê Thị Đ, chị Châu Ngọc L mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho ông Châu Minh P số tiền 179.111 đồng; ông Huỳnh Đức H1, bà Huỳnh Tuyết D và bà Huỳnh Tuyết C2 mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho ông Châu Minh P số tiền 119.407 đồng.

11. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Châu Minh P, bà Châu Kim X1, bà Trần Thị T2, bà Châu Ngọc N và bà Lê Thị Đ có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp.

Ông Châu Minh P đã tạm nộp 1.380.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0014823 ngày 24/4/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Ông Châu Minh M1 phải chịu án phí số tiền là 33.881.192 đồng. Ông Châu Minh M1 đã tạm nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000126 ngày 30/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Sau khi đối trừ số tiền ông M1 phải chịu thì ông M1 còn phải nộp thêm 28.881.192 đồng.

Bà Châu Kim X(Chín) phải chịu án phí số tiền là 2.350.645 đồng.

Chị Châu Ngọc L phải chịu án phí số tiền là 1.175.322 đồng.

Ông Huỳnh Đức H1, bà Huỳnh Tuyết D và bà Huỳnh Tuyết C2 mỗi người phải chịu án phí số tiền là 783.548 đồng.

12. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn tạm nộp án phí cho ông Châu Minh M1 số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000224 ngày 29/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

13. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương